

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp

Số 2600114002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 22 tháng 3 năm 2007 và giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ ba ngày 12 tháng 5 năm 2015.

Tại ngày ký báo cáo tài chính này

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiến Dũng
Ông Nguyễn Văn Thìn
Ông Nguyễn Xuân Hải
Ông Đinh Quang Hải
Ông Nguyễn Hồng Tiến

Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Ban kiểm soát

Bà Hoàng Thanh Vân
Bà Nguyễn Thanh Thủy
Ông Dương Thế Quang

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Tiến
Ông Bùi Như Thường

Giám đốc
Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Hồng Tiến

Giám đốc

Trụ sở chính

Khu 6, thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 29. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc

Phú Thọ, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 20 tháng 4 năm 2016



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2015 và được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 20 tháng 4 năm 2016. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đề cập ở Thuyết minh số 6 của báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa ghi nhận các khoản thuế tiêu thụ đặc biệt (“thuế TTĐB”) phải nộp bổ sung cho các năm 2013, 2014 và 2015 như một khoản chi phí thuế trên báo cáo tài chính mà chỉ ghi nhận khoản thuế TTĐB đã nộp bổ sung vào Ngân sách Nhà nước (“NSNN”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như một khoản phải thu khác từ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn, (công ty mẹ). Nếu Công ty ghi nhận các khoản thuế TTĐB này như một khoản chi phí thuế thì lợi nhuận trước thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 9.146.916.868 Đồng, lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 28.725.816.608 Đồng, và số dư khoản phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 28.725.816.608 Đồng.



Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không đưa ra thêm ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của các báo cáo tài chính cho thấy tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc cho nhân viên do áp dụng Công văn số 16709/BTC-TCDN của Cục Tài chính Doanh nghiệp thuộc Bộ Tài chính ban hành ngày 3 tháng 12 năm 2013. Việc áp dụng Công văn này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Nếu Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán 18 nói trên, ước tính khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần phải lập là 1.720.037.750 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.763.013.000 đồng Việt Nam).

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Họ tên: Quách Thành Châu
Số Giấy chứng nhận
ĐKHN kiểm toán: 0875-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 1537
Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2016

Họ tên: Trần Khắc Thế
Số Giấy chứng nhận
ĐKHN kiểm toán: 2043-2013-006-1

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2015 VNĐ	2014 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		107.400.271.288	126.785.174.012
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.108.220.110	24.734.864.865
111	Tiền		2.108.220.110	4.665.238.320
112	Các khoản tương đương tiền		-	20.069.626.545
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		10.000.000.000	-
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	10.000.000.000	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		54.245.966.180	50.854.047.711
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	24.552.615.658	43.674.559.383
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		592.061.000	6.965.592.418
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	30.881.497.271	1.994.103.659
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.780.207.749)	(1.780.207.749)
140	Hàng tồn kho		40.497.922.728	50.276.499.794
141	Hàng tồn kho	7	40.497.922.728	50.276.499.794
150	Tài sản ngắn hạn khác		548.162.270	919.761.642
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	128.891.982	549.869.934
152	Thuế GTGT được khấu trừ		-	369.891.708
153	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		419.270.288	-
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		64.133.804.543	56.824.005.879
210	Các khoản phải thu dài hạn		431.771.790	431.771.790
216	Phải thu dài hạn khác		431.771.790	431.771.790
220	Tài sản cố định	9	37.250.449.328	36.741.444.609
221	Tài sản cố định hữu hình		37.250.449.328	36.741.444.609
222	Nguyên giá		196.378.375.670	193.001.562.244
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(159.127.926.342)	(156.260.117.635)
230	Bất động sản đầu tư	10	3.937.363.730	-
231	Nguyên giá		8.650.204.623	-
232	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.712.840.893)	-
240	Tài sản dở dang dài hạn		-	93.970.909
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	93.970.909
250	Đầu tư tài chính dài hạn		8.530.500.000	8.530.500.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11	8.530.500.000	8.530.500.000
260	Tài sản dài hạn khác		13.983.719.695	11.026.318.571
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	13.983.719.695	11.026.318.571
270	TỔNG TÀI SẢN		171.534.075.831	183.609.179.891

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2015 VNĐ	2014 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		96.326.986.678	96.399.317.496
310	Nợ ngắn hạn		95.526.986.678	96.399.317.496
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	35.909.117.314	28.916.396.979
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.413.443.533	240.576.322
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	16.841.916.952	43.434.336.325
314	Phải trả người lao động		1.408.563.982	2.269.859.855
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	2.031.318.000	2.810.718.837
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	1.200.000.000	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	9.057.302.933	18.720.146.751
320	Vay ngắn hạn	17	27.648.939.940	-
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		16.384.024	7.282.427
330	Nợ dài hạn		800.000.000	-
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	15	800.000.000	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		75.207.089.153	87.209.862.395
410	Vốn chủ sở hữu		75.207.089.153	87.209.862.395
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18,19	30.000.000.000	30.000.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	19	18.179.421.579	13.828.422.759
420	Quỹ dự phòng tài chính	19	-	3.000.000.000
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19	27.027.667.574	40.381.439.636
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		22.219.677.015	40.381.439.636
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		4.807.990.559	-
440	TỔNG NGUỒN VỐN		171.534.075.831	183.609.179.891



Hoàng Thị Bình
Người lập/ Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc
Ngày 20 tháng 4 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng	229.454.411.041	213.284.216.930
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(724.189.442)	(309.046.355)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	228.730.221.599	212.975.170.575
11	Giá vốn hàng bán	(191.703.486.428)	(177.114.069.047)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	37.026.735.171	35.861.101.528
21	Doanh thu hoạt động tài chính	2.872.215.510	2.924.121.687
22	Chi phí tài chính	(252.642.193)	(476.706.716)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(48.479.003)	-
25	Chi phí bán hàng	(11.036.855.504)	(11.086.238.810)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(10.817.845.143)	(10.464.423.771)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17.791.607.841	16.757.853.918
31	Thu nhập khác	980.536.460	915.491.905
32	Chi chi khác	(1.827.931.226)	(632.029.636)
40	(Lỗ)/ Lợi nhuận khác	(847.394.766)	283.462.269
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.944.213.075	17.041.316.187
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(3.434.224.876)	(3.455.587.561)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	13.509.988.199	13.585.728.626
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.053	4.065



Hoàng Thị Bình
Người lập/ Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc
Ngày 20 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	16.944.213.075	17.041.316.187
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	7.580.649.600	6.900.223.731
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(2.859.174.245)	(2.924.121.687)
06	Chi phí lãi vay	48.479.003	386.543.306
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	21.714.167.433	21.403.961.537
		(2.268.429.838)	(29.740.386.151)
09	Tăng các khoản phải thu	9.778.577.066	3.145.682.223
10	Giảm hàng tồn kho	(36.316.353.060)	5.823.784.233
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(2.536.423.172)	(4.948.320.320)
12	Tăng các chi phí trả trước	-	(274.973.477)
14	Tiền lãi vay đã trả	(3.742.025.006)	(3.821.127.031)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	6.301.920.000	4.375.020.890
16	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	(7.198.817.933)	(4.009.971.999)
17	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(14.267.817.510)	(8.046.330.095)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(11.895.977.140)	(1.718.909.623)
23	Tiền đã gửi vào ngân hàng	(10.000.000.000)	-
27	Thu lãi cho vay và cổ tức được chia	2.859.174.245	2.924.121.687
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(19.036.802.895)	1.205.212.064
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Vay ngắn hạn nhận được	27.648.939.940	-
36	Cổ tức trả cho chủ sở hữu	(16.971.397.290)	(4.677.816.500)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	10.677.542.650	(4.677.816.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(22.626.644.755)	(11.518.934.531)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 24.734.864.865	36.253.799.396
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 2.108.220.110	24.734.864.865



Hoàng Thị Bình
Người lập/ Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc
Ngày 20 tháng 4 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 6 tháng 3 năm 2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600114002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 22 tháng 3 năm 2007 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ ba ngày 12 tháng 5 năm 2015.

Theo chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất cồn thực phẩm, rượu các loại, bia và nước giải khát có ga;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu, phụ tùng hàng hóa, sản phẩm phục vụ sản xuất và tiêu dùng;
- Thi công xây lắp, cải tạo, sửa chữa công trình dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh cồn, rượu, bia, nước giải khát; và
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Nhà máy bia Sài Gòn – Mê Linh
- Nhà máy cồn, rượu Sài Gòn – Đồng Xuân

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại khu 6, Thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 187 nhân viên (2014: 248 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc cho nhân viên do áp dụng Công văn số 16709/BTC-TCDN của Cục Tài chính Doanh nghiệp thuộc Bộ Tài chính ban hành ngày 3 tháng 12 năm 2013. Việc áp dụng Công văn này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng*. Nếu Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán 18 nói trên, ước tính khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần phải lập là 1.720.037.750 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.763.013.000 Đồng Việt Nam).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) - Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 được áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các thay đổi của Thông tư 200 theo Điều 127 của Thông tư 200. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán được áp dụng phi hồi tố:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ - Thuyết minh 2.4

Theo Quyết định 15, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán.

Theo Thông tư 200, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu – Thuyết minh 20

Theo Quyết định 15, Công ty phải tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo các khoản lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (tử số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (mẫu số).

Theo Thông tư 200, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách dùng lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trừ đi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (tử số) chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (mẫu số).

Một số số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay theo Thông tư 200. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh 31.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.8 Đầu tư

(a) Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ít hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

(b) Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty chưa niêm yết được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20%
Máy móc, thiết bị	15 - 20%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	15%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	20 - 33%

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.10 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian sử dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20%
------------------------	---------

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là bao bì, vỏ chai kết và chi phí quảng cáo. Chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và được kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn phân bổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, và dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, và cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.15 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

2.16 Phân chia lợi nhuận thuần

(a) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính không còn được sử dụng. Số dư còn lại của quỹ này được chuyển sang quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 19).

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Phân chia lợi nhuận thuần (tiếp theo)

(c) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

2.17 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.18 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng chiết khấu thương mại và thuế tiêu thụ đặc biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận là các khoản giảm trừ doanh thu trong kỳ.

2.19 Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, và hàng hóa được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí tài chính liên quan tới ký cược bom, két bia và chi phí lãi vay.

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí môi giới, hoa hồng bán hàng, chi phí lương nhân viên kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

2.23 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.24 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**
3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Tiền mặt	146.233.589	194.288.432
Tiền gửi ngân hàng	1.961.986.521	4.470.949.888
Các khoản tương đương tiền	-	20.069.626.545
	<u>2.108.220.110</u>	<u>24.734.864.865</u>

4 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội với lãi suất 5,1%/năm.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Bên thứ ba	8.739.371.431	6.791.646.609
Trong đó:		
- Công ty CP Vietglobe Beverages Việt Nam	2.191.099.680	4.440.238.000
- Công ty CP Thương mại New Invention	3.977.351.042	600.499.275
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	15.813.244.227	36.882.912.774
	<u>24.552.615.658</u>	<u>43.674.559.383</u>

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Thuế tiêu thụ đặc biệt bổ sung phải thu từ công ty mẹ (Thuyết minh 30(b)) (*)	28.725.816.608	-
Phải thu phát sinh từ trước cổ phần hóa	729.251.676	729.251.676
Phải thu UBND Tỉnh Phú Thọ về chi phí san lấp mặt bằng	493.769.000	493.769.000
Tạm ứng cho công nhân viên	390.268.349	213.166.578
Phải thu khác	542.391.638	557.916.405
	<u>30.881.497.271</u>	<u>1.994.103.659</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**
6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (tiếp theo)

(*) Theo Thông báo số 119/TB-KTNN ngày 4 tháng 2 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước và Kết luận Thanh tra số 18234/BTC-Ttr ngày 8 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính, Công ty phải nộp bổ sung thuế tiêu thụ đặc biệt (“thuế TTĐB”) vào Ngân sách Nhà nước (“NSNN”) với số tiền 10.830.495.067 Đồng cho năm 2013, 8.748.404.673 Đồng cho năm 2014, và 5.992.560.534 Đồng cho 9 tháng đầu năm 2015. Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty cũng ước tính thuế TTĐB phải nộp bổ sung cho 3 tháng cuối năm 2015 là 3.154.356.334 Đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã nộp tổng cộng 27.648.939.941 Đồng tiền thuế TTĐB bổ sung vào NSNN, số còn lại 1.076.876.667 Đồng được nộp vào tháng 1 năm 2016. Theo quan điểm của Ban Giám đốc, toàn bộ số thuế TTĐB phải nộp bổ sung cho năm 2013, 2014 và 2015 sẽ được Tổng Công ty Cổ phần - Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn (công ty mẹ) hoàn trả. Do đó, Công ty chưa ghi nhận các khoản thuế TTĐB phải nộp bổ sung này như một khoản chi phí thuế vào báo cáo tài chính mà chỉ ghi nhận như một khoản phải thu khác từ công ty mẹ. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được quyết định chính thức từ công ty mẹ liệu rằng trách nhiệm nộp bổ sung các khoản thuế này sẽ do công ty mẹ hay Công ty chịu.

7 HÀNG TỒN KHO

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Nguyên vật liệu tồn kho	4.502.239.161	4.386.887.369
Công cụ, dụng cụ trong kho	15.209.408.532	15.776.655.979
Chi phí SXKD dở dang	7.634.554.458	10.531.385.380
Thành phẩm tồn kho	13.097.647.239	19.527.497.728
Hàng gửi đi bán	54.073.338	54.073.338
	<hr/>	<hr/>
	40.497.922.728	50.276.499.794
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	<hr/>	<hr/>
	<u>40.497.922.728</u>	<u>50.276.499.794</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
(a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	76.442.274	265.045.206
Sửa chữa tài sản cố định	40.020.196	66.540.417
Khác	12.429.512	218.284.311
	<u>128.891.982</u>	<u>549.869.934</u>
(b) Chi phí trả trước dài hạn		
Vỏ chai, kết, bao bì chờ phân bổ	8.802.757.544	5.879.281.354
Chi phí sửa chữa	1.030.791.952	576.431.703
Công cụ, dụng cụ khác	1.067.075.289	1.186.443.051
Chi phí quảng cáo	2.166.828.123	2.712.694.426
Khác	916.266.787	671.468.037
	<u>13.983.719.695</u>	<u>11.026.318.571</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Số dư đầu năm	11.026.318.571	4.145.658.472
Mua trong năm	9.629.536.592	9.593.354.525
Phân bổ trong năm	(6.672.135.468)	(2.712.694.426)
Số dư cuối năm	<u>13.983.719.695</u>	<u>11.026.318.571</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐÔNG XUÂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

9 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	30.733.602.133	155.141.661.398	6.874.857.509	251.441.204	193.001.562.244
Mua trong năm	2.279.142.842	9.747.875.207	-	-	12.027.018.049
Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh 10) (*)	(8.650.204.623)	-	-	-	(8.650.204.623)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	24.362.540.352	164.889.536.605	6.874.857.509	251.441.204	196.378.375.670
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	19.318.675.981	132.588.511.237	4.106.077.171	246.853.246	156.260.117.635
Khấu hao trong năm	1.268.183.691	5.551.715.868	561.798.941	1.096.844	7.382.795.344
Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh 10) (*)	(4.514.986.637)	-	-	-	(4.514.986.637)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	16.071.873.035	138.140.227.105	4.667.876.112	247.950.090	159.127.926.342
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	11.414.926.152	22.553.150.161	2.768.780.338	4.587.958	36.741.444.609
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	8.290.667.317	26.749.309.500	2.206.981.397	3.491.114	37.250.449.328

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 112.713.647.971 Đồng (2014: 101.274.981.030 Đồng).

(*) Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 34/2015/QĐ-HĐQT, HĐQT cho Công ty CP Vietglobe Beverages Việt Nam thuê mặt bằng, nhà xưởng thuộc Nhà máy Thanh Ba, Phú Thọ. Nguyên giá và khấu hao lũy kế tương ứng của nhà xưởng đã được phân loại lại sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh 10).

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

10 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng VNĐ
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	-
Chuyển từ TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9)	8.650.204.623
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	8.650.204.623
	<hr/>
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	-
Khấu hao trong năm	197.854.256
Chuyển từ TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9)	4.514.986.637
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	4.712.840.893
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	-
	<hr/> <hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	3.937.363.730
	<hr/> <hr/>

11 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	2015		2014	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VNĐ	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VNĐ
Đầu tư vào Công ty CP Bia Sài Gòn-Phú Thọ	853.050	8.530.500.000	853.050	8.530.500.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của đơn vị này chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán.

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Bên thứ ba	6.517.313.704	10.048.431.602
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	29.391.803.610	18.867.965.377
	<hr/>	<hr/>
	35.909.117.314	28.916.396.979
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	720.167.370	1.027.967.500
Thuế GTGT	1.365.381.151	3.170.622.973
Thuế tiêu thụ đặc biệt	14.609.601.821	39.168.912.248
Các loại thuế khác	146.766.610	66.833.604
	<u>16.841.916.952</u>	<u>43.434.336.325</u>

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí bản quyền Henninger	1.094.072.022	1.176.874.667
Các khoản chi phí tài chính	888.766.975	1.315.778.538
Chi phí phải trả khác	48.479.003	318.065.632
	<u>2.031.318.000</u>	<u>2.810.718.837</u>

15 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn liên quan tới khoản doanh thu nhận trước từ Công ty CP Vietglobe Beverages Việt Nam cho hợp đồng cho thuê mặt bằng số 36/2015/HDKT-SGDX-VGB ký ngày 3 tháng 6 năm 2015.

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Phải trả Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp (*)	-	12.471.038.862
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	6.766.703.530	5.557.791.056
Cổ tức phải trả	2.231.642.983	583.554.690
Kinh phí công đoàn	8.818.936	-
Bảo hiểm xã hội	50.137.484	107.762.143
	<u>9.057.302.933</u>	<u>18.720.146.751</u>

(*) Trong năm, Công ty đã thanh toán khoản phải trả liên quan tới Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp cho Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

17 VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 1.1.2015 VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Tại ngày 31.12.2015 VNĐ
Vay ngân hàng	-	27.648.939.940	-	27.648.939.940

Số dư thể hiện khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng số 01/2015-HDTDTL/NHCT1908-BiaSGDongxuan ký ngày 18 tháng 12 năm 2015 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank). Khoản vay chịu lãi suất 5%/năm và được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của Công ty mẹ theo Hợp đồng thế chấp số 227/2015/KTGD ký ngày 18/12/2015.

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2015 Cổ phiếu phổ thông	2014 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành	3.000.000	3.000.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2015		2014	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	15.370.500.000	51%	15.370.500.000	51%
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	1.500.000.000	5%	1.500.000.000	5%
Vốn góp của các đối tượng khác	13.129.500.000	44%	13.129.500.000	44%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	30.000.000.000	100%	30.000.000.000	100%

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu thường VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	3.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	3.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	3.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000

ĐÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐÔNG XUÂN

Mẫu số B 09 – DN

**LUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	30.000.000.000	12.797.111.101	3.000.000.000	34.925.334.325	80.722.445.426
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	13.585.728.626	13.585.728.626
Chia cổ tức	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.391.311.658)	(1.391.311.658)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	1.031.311.658	-	(1.031.311.658)	-
Chi thường cho cán bộ nhân viên	-	-	-	(1.206.999.999)	(1.206.999.999)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	30.000.000.000	13.828.422.759	3.000.000.000	40.381.439.636	87.209.862.395
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	13.509.988.199	13.509.988.199
Chia cổ tức	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.350.998.820)	(1.350.998.820)
Chuyên số dự Quỹ dự phòng tài chính sang quỹ đầu tư phát triển theo Thông tư 200 Hỗ trợ nhân viên mất việc làm theo biên bản Hợp HĐQT số 34/2015/QĐ-HĐQT	-	4.350.998.820	(3.000.000.000)	(1.350.998.820)	-
Điều chỉnh bổ sung chi phí sắp xếp doanh nghiệp theo Thông báo số 119/TB-KTNN	-	-	-	(3.096.163.080)	(3.096.163.080)
Chi thường cho cán bộ nhân viên theo biên bản họp HĐQT số 34/2015/QĐ-HĐQT	-	-	-	(1.458.001.627)	(1.458.001.627)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	30.000.000.000	18.179.421.579	-	(1.607.597.914)	(1.607.597.914)
				27.027.667.574	75.207.089.153

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

20 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	13.509.988.199	13.585.728.626
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm (VNĐ)	(1.350.998.820)	(1.391.311.658)
	<u>12.158.989.379</u>	<u>12.194.416.968</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>3.000.000</u>	<u>3.000.000</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u><u>4.053</u></u>	<u><u>4.065</u></u>

21 DOANH THU

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	<u>229.454.411.041</u>	<u>213.284.216.930</u>
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	724.189.442	292.380.000
Hàng bán bị trả lại	-	16.666.355
	<u>724.189.442</u>	<u>309.046.355</u>
Doanh thu thuần về bán hàng	<u><u>228.730.221.599</u></u>	<u><u>212.975.170.575</u></u>

22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Giá vốn sản phẩm Rượu	10.646.670.437	11.177.015.187
Giá vốn sản phẩm Bia	170.963.640.182	158.269.089.010
Giá vốn sản phẩm Cồn	9.599.846.259	7.598.520.673
Chi phí khác	493.329.550	69.444.177
	<u>191.703.486.428</u>	<u>177.114.069.047</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.153.074.245	1.218.021.687
Cổ tức được chia	1.706.100.000	1.706.100.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	13.041.265	-
	<u>2.872.215.510</u>	<u>2.924.121.687</u>

24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí lãi vay	48.479.003	-
Chi phí lãi liên quan tới ký cược bom, két bia	-	386.543.306
Chi phí tài chính khác	204.163.190	90.163.410
	<u>252.642.193</u>	<u>476.706.716</u>

25 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí nhân viên bán hàng	2.279.118.666	2.068.229.020
Chi phí vật liệu	1.574.789.032	1.547.458.029
Chi phí khấu hao TSCĐ	451.055.971	286.379.040
Chi phí quảng cáo, hoa hồng môi giới	4.494.810.100	5.497.783.502
Chi phí vận chuyển	1.094.143.302	858.981.886
Chi phí khác	1.142.938.433	827.407.333
	<u>11.036.855.504</u>	<u>11.086.238.810</u>

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp	4.944.033.733	5.309.361.151
Chi phí vật liệu văn phòng	506.795.800	384.445.152
Chi phí khấu hao TSCĐ	451.537.516	381.606.480
Thuế và lệ phí	470.435.821	601.752.418
Dịch vụ mua ngoài	511.881.642	324.143.014
Chi phí hỗ trợ mất việc làm	1.141.378.248	-
Chi phí dự phòng	-	467.034.851
Chi phí khác	2.791.782.383	2.996.080.705
	<u>10.817.845.143</u>	<u>10.464.423.771</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**
27 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Thu nhập khác		-
Thu nhập từ cho thuê văn phòng và kho	767.513.746	915.491.905
Các thu nhập khác	213.022.714	-
	<u>980.536.460</u>	<u>915.491.905</u>
Chi phí khác		-
Lỗ từ thanh lý phế phẩm	698.508.636	-
Khấu hao trong giai đoạn tạm dừng sản xuất	446.268.313	-
Các chi phí khác	683.154.277	632.029.636
	<u>1.827.931.226</u>	<u>632.029.636</u>
(Lỗ)/ lợi nhuận khác	<u>(847.394.766)</u>	<u>283.462.269</u>

28 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được thể hiện như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.944.213.074	17.041.316.187
Thuế tính ở thuế suất 22%	3.727.726.876	3.749.089.561
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(375.342.000)	(375.342.000)
Chi phí không được khấu trừ	81.840.000	81.840.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>3.434.224.876</u>	<u>3.455.587.561</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	156.802.642.972	158.038.895.985
Chi phí nhân công	17.592.114.158	18.289.648.930
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.807.600.890	6.900.223.731
Các chi phí khác bằng tiền	23.029.147.644	13.650.133.617
	<u>204.231.505.664</u>	<u>196.878.902.263</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn (Công ty mẹ) do chiếm 51% vốn cổ phần của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
i) Bán hàng hóa (bao gồm thuế TTĐB)		
Công ty mẹ	-	2.237.313.000
Công ty TNHH MTV Thương Mại Bia Sài Gòn	231.594.771.200	235.585.214.020
Công ty CP Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	3.093.793.973	3.273.535.557
Công ty CP Bia Sài Gòn – Bình Tây	65.740.000	43.200.000
Công ty CP Bia Sài Gòn – Hà Nội	27.544.000	-
Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Sabeco	-	21.600.000
	<u>234.781.849.173</u>	<u>241.160.862.577</u>
ii) Mua hàng hóa		
Công ty mẹ	95.076.444.272	108.043.839.435
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Lý	247.975.000	313.313.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	930.485.609	1.610.696.546
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn-Hà Tĩnh	102.300.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ	-	14.485.000
Công ty CP rượu Bình Tây	-	338.870.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco	-	27.811.363
Trung tâm đào tạo nghiên cứu đồ uống và thực phẩm Sabeco	-	809.200.000
	<u>96.357.204.881</u>	<u>111.158.215.344</u>
iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	1.994.333.502	1.425.692.000
iv) Trả cổ tức cho các bên liên quan		
Công ty mẹ	9.222.300.000	2.305.575.000
Công ty CP rượu Bình Tây	900.000.000	225.000.000
	<u>10.122.300.000</u>	<u>2.530.575.000</u>
(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan		
	2015 VNĐ	2014 VNĐ
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty mẹ	6.015.480	2.250.015.480
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	15.630.529.200	34.017.626.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	107.949.547	603.093.794
Công ty CP Rượu Bình Tây	68.750.000	12.177.000
	<u>15.813.244.227</u>	<u>36.882.912.774</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
<i>ii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)</i> Thuế tiêu thụ đặc biệt bổ sung phải thu từ công ty mẹ	28.725.816.608	-
<i>iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)</i> Công ty mẹ	29.376.799.610	18.852.603.877
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Hà Tĩnh	15.004.000	-
Công ty CP Bia Sài Gòn Phú Lý	-	15.361.500
	<u>29.391.803.610</u>	<u>18.867.965.377</u>

31 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay theo Thông tư 200 như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014		
Mã số	Chỉ tiêu	Theo báo cáo trước đây VNĐ	Phân loại lại VNĐ	Số liệu trình bày lại VNĐ
136	Phải thu ngắn hạn khác	1.780.937.081	213.166.578	1.994.103.659
155	Tài sản ngắn hạn khác	213.166.578	(213.166.578)	-
216	Phải thu dài hạn khác	-	431.771.790	431.771.790
268	Tài sản dài hạn khác	431.771.790	(431.771.790)	-
		<u>1.780.937.081</u>	<u>213.166.578</u>	<u>1.994.103.659</u>

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014		
Mã số	Chỉ tiêu	Theo báo cáo trước đây VNĐ	Phân loại lại VNĐ	Số liệu trình bày lại VNĐ
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	328.651.178.317	(115.366.961.387)	213.284.216.930
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(115.676.007.742)	(115.366.961.387)	(309.046.355)
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.529	(464)	4.065
		<u>328.651.178.317</u>	<u>(115.366.961.387)</u>	<u>213.284.216.930</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

Các báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 20 tháng 4 năm 2016.



Hoàng Thị Bình
Người lập/ Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc

